

## **QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 439/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023.

### **XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Đào Thị Kim L, sinh năm 1968;

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Võ Trần D, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre

2/Bị đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1949

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đào Thị Kim L là anh Võ Trần D và bị đơn bà Trần Thị Đ thống nhất số tiền bà Trần Thị Đ còn nợ bà Đào Thị Kim L là 116.560.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng). Trong đó vốn gốc 100.000.000 đồng, lãi 16.560.000 đồng.

Thời hạn bà Đ trả số tiền 116.560.000đ (Một trăm mười sáu triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) cho bà L là vào ngày 01/3/2024.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí DS-ST có giá ngạch do hòa giải thành được giảm 50%:  $(116.560.000đ \times 2,5\%) = 2.914.000$  đồng (Hai triệu chín trăm mười bốn ngàn đồng), đôi bên đồng ý mỗi bên nộp  $\frac{1}{2}$  số tiền án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà L phải nộp số tiền án phí là 1.457.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.175.000đ theo biên lai thu tiền số 0000088 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri nên bà L được nhận lại số tiền còn dư là 1.718.000đ (Một triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Bị đơn bà Trần Thị Đ phải nộp tiền án phí là 1.457.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi bảy ngàn đồng) nhưng bà Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Mộng Tuyền**